

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ Z
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 203 /2018/HNGĐ-ST

Ngày 19 tháng 11 năm 2018

V/v: Tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ Z

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **LÊ THỊ HẠNG**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **NGUYỄN THỊ TỈNH**

Ông **TRẦN HUY LIÊN**

- Thư ký phiên tòa: Bà **NGUYỄN THỊ THỦY** – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Z

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z tham gia phiên tòa: Bà **LÊ ÁNH DƯƠNG** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 917/2018/HNGĐ-ST ngày 21 tháng 6 năm 2018 về tranh chấp: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 176/2018/QĐXX-ST ngày 08 tháng 10 năm 2018, Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2018/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:* Bà **ĐỖ THỊ T - sinh năm 1984

Nơi ĐKKHKT: 17/6 PL, phường PL, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Chỗ ở hiện nay: Thôn PL, xã PĐ, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Bi đơn:* Ông **NGUYỄN VĂN TR - sinh năm 1982.

Nơi ĐKKHKT: 17/6 PL, phường PL, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. Chỗ ở hiện nay: Thôn PL, xã PĐ, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa. *Vắng mặt.*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn, bà Đỗ Thị T trình bày tại đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải: Tôi và ông Nguyễn Văn Tr tự nguyện kết hôn vào năm 2006, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ, thành phố Z. Chúng tôi có hai con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 10/10/2007 và Nguyễn Hồng P, sinh ngày 29/8/2012. Thời gian chung sống vợ chồng không hạnh phúc do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau, ông Tr không lo làm ăn để chăm lo gia đình, bên cạnh đó còn thường xuyên chơi cờ bạc gây nợ nần. Vì muốn giữ gìn hạnh phúc gia đình, tôi đã cố gắng nhẫn nhịn và chịu đựng, chỉ mong ông Trọng có thể suy nghĩ lại nhưng ông Tr vẫn chứng nào tật đó. Đến nay tôi không thể chịu đựng được nữa, tình cảm vợ chồng không còn nên tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho tôi được ly hôn với ông Tr

Về con chung: Sau khi ly hôn, tôi có nguyện vọng được nuôi hai cháu H và P, không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Tôi cam kết chúng tôi không nợ ai.

Về án phí: Tôi tự nguyện nộp toàn bộ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm.

- *Bị đơn, ông Nguyễn Văn Tr:* Đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vẫn cố tình không đến Tòa án làm việc, vì vậy trong hồ sơ vụ án không thể hiện lời trình bày của ông Tr và Tòa án không thể tiến hành phiên hòa giải theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Z phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Về nội dung vụ án: nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Văn Tr không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56,81,82,83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Đỗ Thị T được ly hôn với ông Nguyễn Văn Tr. Giao các con chung cho bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; ông Tr không phải cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu. Tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghe ý kiến trình bày của nguyên đơn và xem xét các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

* *Về thủ tục tố tụng:*

Ngày 06 tháng 11 năm 2018 bà Đỗ Thị T có đơn đề nghị Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập đến lần thứ hai nhưng bị đơn ông Nguyễn Văn Tr vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà T, ông Tr.

**Về quan hệ hôn nhân và gia đình:* Bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Văn Tr kết hôn vào ngày 12 tháng 12 năm 2006 tại Ủy ban nhân dân xã PĐ, thành phố Z, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 102, quyển 01/2006 - Đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời trình bày của bà T: ông Tr làm nghề lái xe, thường xuyên vắng nhà, không có trách nhiệm với gia đình. Ngoài ra, ông còn gây ra nhiều khoản nợ khiến bà phải vất vả trả nợ thay cho ông nhiều lần nhưng ông Tr vẫn không hề thay đổi. Mặc dù vậy, bà T đã nhiều lần cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng để tiếp tục chung sống vì các con nhưng không có kết quả. Vợ chồng tuy hiện nay vẫn chung sống một nhà nhưng không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau.

Hội đồng xét xử xét thấy: Cuộc sống vợ chồng của bà T và ông Tr không hạnh phúc, hòa thuận. Vợ chồng không có tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng

ngày càng có khoảng cách với nhau; Vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu xin ly hôn của bà Thắm là chính đáng có căn cứ phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**Về con chung:* Bà Đỗ Thị T và ông Nguyễn Văn Tr hai con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 10/10/2007 và Nguyễn Hồng P, sinh ngày 29/8/2012. Hội đồng xét xử xét thấy: Hai cháu H và P đang sống cùng với bà T và có nguyện vọng được ở với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn. Đồng thời, bà T cũng có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn và không yêu cầu ông Tr cấp dưỡng nuôi con. Hiện tại, cả hai cháu đang còn nhỏ rất cần có sự quan tâm, chăm sóc của người mẹ. Vì vậy, việc bà T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng các con chung là có cơ sở, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

**Về tài sản chung, nợ chung:* Bà Đỗ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

**Về án phí:* Bà Đỗ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 57, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Đỗ Thị T.

Bà Đỗ Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn Tr

2. Về con chung: Giao các con chung là cháu Nguyễn Quốc H, sinh ngày 10/10/2007 và Nguyễn Hồng P sinh ngày 29/8/2012 cho bà Đỗ Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng sau khi ly hôn.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Văn Tr do bà T không yêu cầu

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; Các bên được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Đỗ Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Bà Đỗ Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2016/0009352 ngày 21/6/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Z. Như vậy, bà Thắm đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND TP.Z;
- Chi cục THADS TP.Z;
- UBND xã PĐ, TP. Z;
- Các đương sự;
- Lưu án văn + hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hạng